

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày 18-6-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc PH1

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Vũ Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà **Đào Thị Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-DS ngày 24/01/2019 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2269/2019/QĐ-PT ngày 06/06/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Trần Thị H, sinh năm 1928; nơi cư trú: Số 30/239 ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lan H1, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 199/63/36 đường VM, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Thiếu Đ – Luật sư Công ty luật ĐA thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đức B – Luật sư của Văn phòng luật sư 19.8 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Quốc V, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 69/26/78/430 TNH, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

+ Chị Trương Thị Mai T, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Số 69/26/78/430 TNH, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 8/51 PK2, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị Lan H1, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 199/63/36 đường VM, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng – (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017). Có mặt

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H1 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp thừa kế tài sản ngày 03/11/2017, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thập trình bày:

Con trai bà H là anh Trương Văn H2 kết hôn với chị Vũ Thị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CT năm 1989. Anh H2 và chị C có 02 con chung là Trương Quốc V, sinh năm 1989 và Trương Thị Mai T, sinh năm 1994. Năm 1993, anh H2 và chị C mua căn nhà tại địa chỉ 02/246A ĐN, CT, NQ, Hải Phòng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Thọ (hiện không biết vợ chồng ông Thọ ở đâu).

Khi mua lại mảnh đất trên, trên đất chỉ là một lán nhỏ. Đến năm 1997, anh H2 và chị C đã xây căn nhà hai tầng, diện tích khoảng 19-20 m² (xây hết diện tích đất). Vì vậy, căn nhà nói trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị C và anh H2. Năm 2004, anh H2 và chị C đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận NQ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 93 ngày 13/8/2004. Sau khi ly hôn, anh H2 và chị C tự thỏa thuận về tài sản. Theo biên bản thỏa thuận, anh H2 có toàn quyền sở hữu căn nhà và có trách nhiệm giao cho chị C số tiền 125.000.000 đồng. Anh H2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản đối với chị C (có biên bản giao nhận tiền và xác nhận của chị C). Vì vậy, căn nhà trên thừa đất 2/246A đường ĐN sau khi ly hôn là tài sản riêng của anh H2.

Năm 2010, chị H1 đến thuê nhà anh H2 để mở tiệm cắt tóc, gội đầu, sau đó chị H1 và anh H2 pH1 sinh tình cảm. Năm 2013, anh H2 kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Anh H2 và chị H1 ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Cùng năm 2013, anh H2 và chị H1 sửa lại căn nhà nói trên và coi nói thành căn nhà 3 tầng mái bằng như hiện nay. Việc sửa nhà hết bao nhiêu tiền bà H không được biết. Bà H cho anh H2 một mảnh đất, anh trai anh H2 là Trương Văn Tuấn đã bán mảnh đất đó và gửi tiền tiết kiệm ngân hàng hộ anh H2 mang tên anh Tuấn. Khi anh H2 và chị H1 sửa nhà, anh Tuấn và vợ (bà Phạm Thị Lan H1) đưa cho anh H2 300.000.000 đồng. Sau khi anh H2 sửa nhà xong, vợ chồng anh Tuấn rút hết tiền tiết kiệm và đưa cho anh H2

số tiền 340.000.000 đồng. Hiện nay, anh H2 đã mất. Vì vậy, bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của anh H2 là căn nhà trên thửa đất tại địa chỉ số 02/246A ĐN, CT, NQ, Hải Phòng. Hiện tại chị H1 đang sử dụng căn nhà trên. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu, do thửa đất số 518, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ 02/246A ĐN, CT, NQ, Hải Phòng là đất sử dụng không hợp pháp, nằm trong khuôn viên nhà cao tầng nên nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất trên mà chỉ yêu cầu chia thừa kế tài sản trên đất là căn nhà 03 tầng diện tích 19,8m².

Thời điểm mở thừa kế là ngày anh Trương Văn H2 chết, ngày 23/01/2017.

Hàng thừa kế hiện tại của anh H2 là mẹ đẻ bà Trần Thị H, vợ chị Nguyễn Thị H1 và hai con riêng là Trương Quốc V và Trương Thị Mai T. Anh H2 không có con riêng nào khác, bố đẻ của anh H2 là ông Trương Văn Trãi đã chết ngày 27/12/1983. Vì vậy hàng thừa kế của anh H2 gồm có 4 người.

Về pH1 án chia thừa kế, nguyên đơn là bà Trần Thị H có quan điểm chia căn nhà trên thành 4 phần tương ứng với giá trị theo kết luận của hội đồng định giá. Do bà H đã già, không có chỗ ở ổn định, hiện tại đang ở nhờ nhà các con nên bà H có nguyện vọng được quản lý, sử dụng căn nhà tại địa chỉ số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng để có nơi thờ cúng anh Trương Văn H2. Bà H là mẹ liệt sĩ Trương Văn Tuyên nên cũng cần có nơi để thờ cúng liệt sĩ Tuyên. Từ trước tới nay bà H có hộ khẩu chung với anh Trương Văn H2 tại địa chỉ số 30/239 ĐN, CT, NQ, Hải Phòng. Đây là địa chỉ căn nhà cũ của gia đình, do nhà tại địa chỉ 2/246A đường ĐN không có giấy tờ nên không chuyển hộ khẩu về được. Sau khi anh H2 chết bà H đã ở căn nhà trên 06 tháng cùng với chị H1, nH2 do mâu thuẫn với con dâu là chị H1 nên đã đến ở nhờ nhà con trai Trương Văn Huy. Trường hợp bà H được sở hữu và sử dụng căn nhà trên, bà H có đủ tiền để thanh toán cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Do việc sử dụng diện tích đất của căn nhà là trái pháp luật nên trường hợp Cơ quan Nhà nước thu hồi đất, bà H không có ý kiến gì về việc đã thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác. Nguyên đơn có nguyện vọng được sinh sống tại căn nhà trên để hai cháu nội là Trương Quốc V và Trương Thị Mai T tiện chăm sóc bà và thờ cúng anh Trương Văn H2, liệt sĩ Trương Văn Tuyên. Do bà H tuổi cao nên đề phòng khi chết có chỗ để lo ma chay và thờ cúng. Nếu chị H1 đồng ý hòa giải, nguyên đơn sẽ thanh toán cho chị H1 số tiền 135.000.000 đồng cho phần di sản chị được hưởng và phần tài sản chung của chị và anh H2 để chị tìm chỗ ở mới.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Quá trình kết hôn giữa anh H2 và chị C và nguồn gốc căn nhà, bị đơn đồng ý với quan điểm của đại diện nguyên đơn. Năm 2010, được sự giới thiệu của chị dâu anh H2 là bà H1, chị H1 đến thuê nhà anh H2 để mở tiệm cắt tóc, gội đầu. Sau đó, chị H1 và anh H2 nảy sinh tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2010. Lúc đó, căn nhà tại địa chỉ số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng là căn nhà hai tầng, lợp xúp, lợp bán mái. Quá trình chung sống với anh H2, anh H2 ốm đau nhiều. Năm 2013, chị H1 và anh H2 đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Tháng 5/2013, vợ chồng chị H1 anh H2 sửa lại toàn bộ căn nhà, ốp lát lại tầng 1, dỡ bỏ toàn bộ tầng 2 xây lại, xây thêm tầng 3 thành mái bằng như hiện

nay. Tiền sửa nhà hết khoảng 300.000.000 đồng là tiền chung của hai vợ chồng. Nguồn gốc số tiền này do vợ chồng chị làm ăn mà có và do vợ chồng chị vay mượn của mọi người. Sau đó, em gái chị H1 là Nguyễn Thị Nga gửi cho chị 10.000 đô la Mỹ (USD) qua Ngân hàng Kiên Long (chị H1 có giấy lĩnh tiền của ngân hàng năm 2014). Đến ngày 23/01/2017, anh H2 mất.

Bị đơn đồng ý với quan điểm của nguyên đơn về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế. Di sản của anh H2 là căn nhà số 2/246A ĐN xây trên diện tích đất lấn chiếm không có giấy tờ. Chị H1 không có giấy tờ gì của căn nhà trên, cũng không biết chủ sử dụng cũ của căn nhà đã bán cho anh H2 và chị C. Tuy nhiên, tiền sửa nhà căn nhà trên là tiền chung của vợ chồng anh chị.

Căn nhà số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng chỉ có vợ chồng chị H1 anh H2 sinh sống. Sau khi anh H2 mất, mẹ chồng chị là bà Trần Thị H đến ở cùng chị H1 khoảng 06 tháng sau đó đi ở với các con khác. Bị đơn có nguyện vọng được sở hữu và sử dụng căn nh này và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại. Nếu ở lại căn nhà, bị đơn cũng đồng ý chuyển cho nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 135.000.000 đồng hoặc theo số tiền do Tòa án quyết định tiền để thanh toán cho các đồng thừa kế khác. Lý do chị H1 muốn ở lại căn nhà trên vì đó là căn nhà vợ chồng chị chung sống, là nơi chị H1 thờ cúng chồng. Chị H1 cũng cam đoan, do căn nhà được xây dựng trên diện tích đất trái pháp luật nên nếu trường hợp bị Nhà nước thu hồi chị không có ý kiến gì về việc đã thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Quốc V và người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị Mai T trình bày tại phiên tòa: Chị T và anh V đồng ý với quan điểm của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế. Về di sản thừa kế: Căn nhà tại địa chỉ số 02/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của ông Trương Văn H2 - bố đẻ của anh V và chị T. Trước kia căn nhà trên chỉ có 02 tầng mái tôn, sau khi chung sống với bà H1 ông H2 mới sửa lại căn nhà trên nH2 tiền sửa nhà anh V nghe ông H2 nói hết khoảng 300 triệu đồng nH2 cụ thể anh không được rõ. Anh V và chị T trình bày ông H2 và bà H1 chỉ sửa lại tầng 2 đổ mái bằng và coi nói thêm tầng 3 (không phải xây mới tầng 3 như bà H1 trình bày). Về pH1 án chia thừa kế, anh V và chị T đồng ý như quan điểm của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật và đề nghị Tòa án giao ngôi nhà trên cho bà Trần Thị H là bà nội anh V và chị T vì bà H đã già, không có nhà ở phải ở nhờ nhà các con. Sau này khi bà Hà chết có nơi lo ma chay và có nơi ở để các cháu đến chăm sóc, hơn nữa bà H còn cần có nơi để thờ cúng con trai là liệt sỹ Trương Văn Tuyên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ cho nguyên đơn pH1 biểu quan điểm: Căn nhà số 02/246A đường ĐN là tài sản riêng của anh Trương Văn H2; anh H2 đã chết ngày 23/01/2007 nên mẹ đẻ anh H2 là bà Trần Thị H khởi kiện chia thừa kế đối với tài sản của anh H2 là căn nhà trên là đúng quy định của pháp luật. Chị H1 chung sống với anh H2 từ năm 2010 nH2 đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung chị H1 và anh H2 có sửa lại nhà nH2 chỉ là lợp lại mái tầng 2 và xây mới tầng 3 chứ không phải xây lại cả tầng 2 như bị đơn trình bày. Hơn nữa, tiền xây nhà là tiền riêng của anh H2 như đại diện nguyên đơn trình bày.

Do vậy phía nguyên đơn xác định toàn bộ giá trị căn nhà số 02/246A đường ĐN là tài sản riêng của anh H2. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà H có nguyện vọng ở lại căn nhà như đã trình bày và sẽ thanh toán phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Do chị H1 chung sống với anh H2 thời gian ngắn nên xác định chị H1 không đóng góp công sức gì trong việc gìn giữ di sản. Nguyên đơn cũng không đồng ý trợ cấp để chị H1 tìm nơi ở mới vì chị H1 có hộ khẩu ở nơi khác, không cùng hộ khẩu với anh H2.

Tại Bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận NQ đã:

Căn cứ vào các điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về yêu cầu chia thừa kế tài sản của anh Trương Văn H2 theo pháp luật.

1. Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của anh Trương Văn H2 là căn nhà số 2/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng (sau khi trừ phần tiền sửa nhà là tiền riêng của chị Nguyễn Thị H1) trị giá 179.077.000 đồng.

2. Về pH1 án chia thừa kế: Di sản thừa kế của anh Trương Văn H2 sau khi trừ đi phần gìn giữ, bảo quản di sản cho chị Nguyễn Thị H1 là 20.000.000 đồng còn lại giá trị tương ứng 159.077.000 đồng, được chia làm 04 phần cho bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị H1, anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T, mỗi người được hưởng phần di sản tương ứng với giá trị 39.769.000 đồng.

Cụ thể phân chia:

- Bà Trần Thị H được toàn quyền sở hữu toàn bộ căn nhà tại địa chỉ số 2/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác tương ứng với giá trị là:

+ Bà H phải thanh toán cho anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T, mỗi người số tiền là 39.769.000 đồng.

+ Bà H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị H1: phần tài sản riêng trong tài sản chung của vợ chồng với anh Trương Văn H2 số tiền 91.663.000 đồng, phần di sản được hưởng là 39.769.000 đồng, công sức gìn giữ, bảo quản di sản thừa kế 20.000.000 đồng, tiền hỗ trợ tìm nơi ở mới 50.000.000 đồng; tổng cộng là 201.432.000 đồng.

- Anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T, mỗi người được hưởng số tiền là 39.769.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H1 được hưởng số tiền 201.432.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai đã khai tại phiên tòa sơ thẩm. Tài sản đang tranh chấp không có thay đổi gì như tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm bởi lẽ: bà Trần Thị H hiện tuổi cao, là mẹ liệt sỹ Trương Văn Tuyên và đang không có nơi ở ổn định (bà H hiện đang ở nhờ nhà các con) nên bà H có nguyện vọng được ở lại căn nhà trên để thờ cúng liệt sỹ và thờ cúng gia tiên (chồng bà H là ông Trương Văn Trãi đã chết) để có nơi cho các con cháu đến chăm sóc bà lúc tuổi già cũng như có nơi làm ma chay khi bà qua đời nên nguyện vọng được ở lại căn nhà số 2/246A đường ĐN của bà H là phù hợp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm với những lý do sau: Theo như lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm bà H không phải là không có chỗ ở, bà H có thể ở với bất kỳ người con nào. Đối với nơi thờ cúng của liệt sỹ Trương Văn Tuyên thì mọi năm gia đình bà H vẫn tiến hành cúng giỗ tại nhà con trưởng của bà H nên bản án sơ thẩm nhận định không có nơi thờ cúng liệt sỹ là không có cơ sở. Bà H ở với con trai anh Trương Văn Huy từ năm 2010 đến nay, cuộc sống của bà H ở đó rất tốt. Theo tài liệu xác minh và tại phiên tòa thể hiện: Bản thân anh V và chị T không thường xuyên tại số 2/246A ĐN mà người thường xuyên sinh sống ở đó là chị H1, chị H1 đã ở đó từ năm 2010. Như vậy, việc giao nhà cho bà H sở hữu ở là chưa phù hợp vì bà H nhiều tuổi cần có người chăm sóc. Bản thân chị H1 không có chỗ ở, đây là tài sản chung của anh chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng pH1 biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn giao căn nhà cho chị Nguyễn Thị H1 bởi lẽ: Từ năm 2010 cho đến nay, chị H1 và anh H2 (chồng chị H1 sống cùng nhau tại đó cho đến khi anh H2 chết vào năm 2017), bà H không sống cùng vợ chồng anh H2 cho đến khi anh H2 chết bà H sống tại đó được khoảng 6 tháng. Trước đó, bà H sinh sống cùng với các con khác của bà và được chăm sóc chu đáo. Do bà H có 10 người con nên việc thờ cúng liệt sỹ, gia tiên vẫn được thực hiện tại nhà anh Quỳnh – con trai trưởng của bà H. Trong khi chị H1 không có chỗ ở nào khác, nghề nghiệp của chị là cắt tóc gội đầu. Ngôi nhà này là chỗ chị sinh sống và tại ra thu nhập duy nhất. Mặt khác, ngôi nhà xây trên đất lấn chiếm của nhà nước nên có thể bị thu hồi đất bất cứ lúc nào nên việc giao nhà cho bà H là không đảm bảo tính ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có tài sản và các đương sự đều cư trú tại quận NQ, TP.Hải Phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NQ.

- Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu được ở lại căn nhà số 2/264A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng và chị có trách nhiệm trả phần di sản tương ứng cho các đồng thừa kế khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá như sau:

[3] Bản án sơ thẩm đánh giá nguyên đơn bà Trần Thị H hiện tuổi cao, là mẹ liệt sỹ Trương Văn Tuyên và đang không có nơi ở ổn định (bà H hiện đang ở nhờ nhà các con) nên bà H có nguyện vọng được ở lại căn nhà trên để thờ cúng liệt sỹ và thờ cúng gia tiên (chồng bà H là ông Trương Văn Trãi đã chết) để có nơi cho các con cháu đến chăm sóc bà lúc tuổi già cũng như có nơi làm ma chay khi bà qua đời nên nguyện vọng được ở lại căn nhà số 2/246A đường ĐN của bà H là phù hợp, cần chấp nhận. Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 cũng có nguyện vọng được sở hữu căn nhà trên NH2 chị H1 hiện còn khả năng lao động và có thể tìm được chỗ ở mới. Do đó, cần buộc nguyên đơn bà Trần Thị H thanh toán giá trị phần di sản cho các đồng thừa kế khác bằng tiền và một hỗ trợ thêm bị đơn chị Nguyễn Thị H1 khoản tiền 50.000.000 đồng để chị H1 tìm nơi ở mới. Cụ thể: Bà H có trách nhiệm thanh toán cho anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T mỗi người số tiền tương ứng với giá trị phần di sản thừa kế mà họ được hưởng là 39.769.000 đồng và thanh toán cho chị H1 số tiền sửa nhà là: 91.663.000 đồng, cộng với phần di sản của anh H2 mà chị H1 được hưởng 39.769.000 đồng, cộng với tiền công gín giữ, trông coi di sản 20.000.000 đồng và tiền hỗ trợ chị H1 tìm nơi ở mới 50.000.000 đồng, tổng cộng 201.432.000 đồng.

[4] Tuy nhiên, nhận thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét yêu cầu hoàn cảnh của bà H thông qua lời khai của bà H, chứ không xem xét cụ thể quá trình ăn ở tại nhà số 2/264A đường ĐN từ năm 2010 đến năm 2017. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Chị H1 cung cấp tài liệu (do địa PH1 xác nhận), bà H ở nơi khác, không đăng ký hộ khẩu và không ở ở địa chỉ tại số 2/264A đường ĐN, không ai ở cùng vợ chồng chị H1 anh H2, chỉ có chị H1, anh H2 ở và chị H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc anh H2. Các con của anh H2 là anh V và chị T không ở cùng với anh H2. Khi sửa chữa nhà chỉ do anh H2, chị H1 thực hiện. Nguồn tiền để sửa chữa nhà không chứng minh được là của ai. Nếu đúng ra phải xác định đây là tài sản chung của anh H2 và chị H1 vì khi xây dựng với nhau và quá trình ăn ở cùng nhau, anh H2 không xác định là tài sản riêng của mình, việc anh H2 sửa chữa nhà trong thời kỳ hôn nhân mà không có căn cứ là tài sản riêng thì phải xác định là tài sản chung của vợ chồng anh H2, chị H1. NH2 chị H1 cũng không có ý kiến về việc chia tài sản theo quyết định của Bản án sơ thẩm, xác định phần chị H1, anh H2 đầu tư là tài sản chung 183.326.000 đồng, phần tài sản của chị H1 là 91.633.000 đồng. Tài sản của anh H2 là 270.740.000 đồng – 91.633.000 đồng = 179.077.000 đồng, trừ đi cho chị H1 20.000.000 đồng tiền xây dựng tài sản khác. Như vậy, di sản của anh H2 là 159.077.000 đồng, chia kỷ phần cho 4 người được hưởng thừa kế (bà H, chị H1, anh V và chị PH1), mỗi kỷ phần được 39.769.000 đồng và trả cho chị H1 50.000.000 đồng để tìm nơi ở mới. Tổng cộng chị H1 được trả 91.633.000 đồng + 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 39.769.000 đồng = 201.432.000 đồng.

[5] Xét điều kiện thực tế theo kháng cáo của chị H1: Chị H1 và anh H2 ở nhà 2/264A đường ĐN từ năm 2010 đến năm 2017 (anh H2 chết), không ai ở cùng. Bà H về ở cùng chị H1 chỉ sau khi anh H2 chết nên việc lấy lý do tuổi già, mẹ liệt sỹ là không thỏa đáng vì thực tế bà H không ở đây những năm trước đây.

Bà H có 10 người con, bà vẫn có chỗ ở cùng với các con và được chăm sóc chu đáo. Đối với chế độ gia đình chính sách của liệt sỹ, bà H đã được hưởng riêng không phải là lý do để bà H được giao nh. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận việc thờ cúng liệt sỹ vẫn được thực hiện hàng năm tại nhà anh Quỳnh – con trai trưởng của bà H. Hơn nữa sau khi anh H2 mất, bà H mới về sinh sống cùng chị H1, sau đó do mâu thuẫn bà H về sinh sống cùng con trai là Trương Văn Huy. Đối với chị H1 đã ăn ở ổn định được tổ dân phố xác nhận là đúng sự thật, đây là nơi duy nhất để chị sinh sống và tạo nguồn sống. Mặt khác, ngôi nhà xây trên đất lấn chiếm của nhà nước nên có thể bị thu hồi đất bất cứ lúc nào nên việc giao nhà cho bà H là không đảm bảo tính ổn định. Xét thực tế nhu cầu của các bên, hiện nay bà H đã cao tuổi, vẫn đang có chỗ ở, có nơi thờ cúng liệt sỹ, gia tiên và có con cháu chăm sóc chu đáo nên không cần thiết phải giao ngôi nhà trên cho bà H. Do đó, cần xem xét điều kiện hoàn cảnh của chị H1 giao nhà cho chị H1 sử dụng, chị H1 cũng đồng ý sẽ trả lại cho bà H, anh V và chị T phần di sản mà họ được hưởng, cụ thể: Kỳ phân mỗi hàng thừa kế được hưởng 179.077.000 đồng/4 = 44.769.000 đồng (làm tròn). Chị H1 có trách nhiệm trả cho bà H, anh V, chị T mỗi người 44.769.000 đồng, tổng cộng là 134.307.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1.

- Về án phí:

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 44.769.000 \text{ đồng} = 2.238.000 \text{ đồng}$.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 44.769.000 \text{ đồng} = 2.238.000 \text{ đồng}$.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Sửa Bản án sơ thẩm số 265/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – chị Nguyễn Thị H1.

- Căn cứ vào các điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về yêu cầu chia thừa kế tài sản của anh Trương Văn H2 theo pháp luật.

1. Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của anh Trương Văn H2 là căn nhà số 2/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng (sau khi trừ phần tiền sửa nhà là tiền riêng của chị Nguyễn Thị H1) trị giá 179.077.000 đồng.

2. Về pH1 án chia thừa kế: Di sản thừa kế của anh Trương Văn H2 được chia làm 04 phần cho bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị H1, anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T, mỗi người được hưởng phần di sản tương ứng với giá trị 44.769.000 đồng (làm tròn).

Cụ thể phân chia:

- Chị Nguyễn Thị H1 được toàn quyền sở hữu toàn bộ căn nhà tại địa chỉ số 2/246A đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác là bà Trần Thị H, anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T, mỗi người số tiền là 44.769.000 đồng.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.238.000 đồng.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Quốc V và chị Trương Thị Mai T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.238.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy của pháp luật. Trả lại chị H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thể hiện ở Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3094 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NQ. Tuy nhiên, trừ số tiền này vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị H1 phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận NQ;
- Chi cục THADS quận NQ;
- Các đương sự (để thi hành);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu: HS, HCTP.

Lê Ngọc PH1

Danh sách gửi bảo đảm bản án số 07/2017/DS-PT ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (vụ Thành – Tuấn).

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn, sinh năm 1982 và bà Trần PH1 Thanh, sinh năm 1982, cùng địa chỉ: Số 1104 Toà nhà TD Plaza, lô 1/20A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận NQ, thành phố Hải Phòng.

2. Công ty Cổ phần đầu tư Thuý Dương, trụ sở: Toà nhà Bussiniess Centre đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận NQ, thành phố Hải Phòng.

3. Bà Vũ Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 29A ĐN, phường Máy Tơ, Quận NQ, thành phố Hải Phòng

Người gửi

Ngà - TDS

Xác nhận bưu điện

CÁC THẨM PHÁN PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích Nguyễn Thị Thu Thủy

Trần Thu H1

